



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản  
Minh Phú và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết  
thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thông tin về Công ty**

<b>Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh</b>	6103000072	ngày 12 tháng 5 năm 2006
	6103000072 (điều chỉnh lần 1)	ngày 25 tháng 5 năm 2007
	6103000072 (điều chỉnh lần 2)	ngày 12 tháng 11 năm 2007
	2000393273	ngày 23 tháng 6 năm 2010
	2000393273 (điều chỉnh lần 1)	ngày 15 tháng 10 năm 2014
	2000393273 (điều chỉnh lần 2)	ngày 15 tháng 12 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Lê Văn Quang	Chủ tịch
	Bà Chu Thị Bình	Phó Chủ tịch
	Ông Chu Văn An	Thành viên
	Ông Lê Văn Điệp	Thành viên
	Ông Lê Ngọc Anh	Thành viên
	Bà Lê Thị Dịu Minh	Thành viên
	Ông Phan Thanh Lộc	Thành viên (từ ngày 9 tháng 3 năm 2018)
	Bà Hồ Thu Lê	Thành viên (từ ngày 9 tháng 3 năm 2018)

<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Lê Văn Quang	Tổng Giám đốc
	Bà Chu Thị Bình	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Chu Văn An	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Thái Hoàng Hùng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Văn Điệp	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Bùi Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Lê Thị Dịu Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tấn Anh	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 3 năm 2017)	

<b>Ban kiểm soát</b>	Ông Trần Văn Khánh	Trưởng ban
	Bà Nguyễn Thị Hồng Cúc	Thành viên
	Bà Đỗ Thị Hạnh	Thành viên

<b>Trụ sở đăng ký</b>	Khu Công nghiệp Phường 8 Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau Việt Nam
-----------------------	---

<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 64 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Le Văn Diệp

Phó Tổng giám đốc

Tỉnh Cà Mau, ngày 12 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Huê Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 64.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-01-247/01



  
Trương Vĩnh Phúc  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 1901-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc



Trần Đình Vinh  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0339-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2018

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>8.031.892.276.387</b>	<b>6.633.288.235.809</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>1.785.115.577.774</b>	<b>1.532.279.347.669</b>
Tiền	111		180.524.327.774	163.224.240.021
Các khoản tương đương tiền	112		1.604.591.250.000	1.369.055.107.648
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>231.236.106.650</b>	<b>493.109.144.438</b>
Chứng khoán kinh doanh	121	6(a)	14.811.109.411	14.811.109.411
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6(a)	(8.613.935.111)	(10.045.101.535)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(b)	225.038.932.350	488.343.136.562
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.913.341.914.340</b>	<b>1.323.538.429.976</b>
Phải thu của khách hàng	131	7	1.797.225.655.844	1.133.057.069.435
Trả trước cho người bán	132		37.016.652.116	55.689.695.377
Phải thu về cho vay	135	8	44.000.000.000	54.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	37.063.145.917	82.755.204.701
Dự phòng phải thu khó đòi	137	10	(1.963.539.537)	(1.963.539.537)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>4.073.199.229.344</b>	<b>3.220.430.550.915</b>
Hàng tồn kho	141		4.101.475.749.558	3.248.000.296.472
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(28.276.520.214)	(27.569.745.557)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>28.999.448.279</b>	<b>63.930.762.811</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.973.095.406	1.504.521.290
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		16.782.851.990	38.226.993.880
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	153	18(b)	9.243.500.883	24.199.247.641

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>1.478.394.377.372</b>	<b>1.556.527.182.793</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>14.605.161.928</b>	<b>14.679.129.385</b>
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	14.605.161.928	14.679.129.385
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>978.811.612.445</b>	<b>1.155.868.294.915</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	12	919.358.028.497	1.012.399.861.022
Nguyên giá	222		2.087.248.831.678	2.023.290.962.863
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.167.890.803.181)	(1.010.891.101.841)
Tài sản cố định vô hình	227	13	59.453.583.948	143.468.433.893
Nguyên giá	228		71.253.107.385	160.022.278.537
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.799.523.437)	(16.553.844.644)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>157.518.936.138</b>	<b>160.575.227.654</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	157.518.936.138	160.575.227.654
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>121.167.019.076</b>	<b>108.900.000.000</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	6(c)	101.667.019.076	101.900.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(c)	7.000.000.000	7.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6(b)	12.500.000.000	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>206.291.647.785</b>	<b>116.504.530.839</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	174.659.711.634	83.453.964.843
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	30.344.896.465	28.674.630.610
Lợi thế thương mại	269	17	1.287.039.686	4.375.935.386
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>9.510.286.653.759</b>	<b>8.189.815.418.602</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>6.518.661.625.096</b>	<b>5.896.844.057.892</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4.411.280.651.253</b>	<b>2.353.310.726.812</b>
Phải trả người bán	311		656.213.732.042	291.573.675.393
Người mua trả tiền trước	312		20.156.483.977	8.632.646.619
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	313	18(a)	33.539.904.002	2.849.276.515
Phải trả người lao động	314		88.722.496.835	89.621.450.872
Chi phí phải trả	315		944.624.935	679.624.807
Phải trả ngắn hạn khác	319	20(a)	76.110.288.683	83.943.363.138
Vay ngắn hạn	320	21(a)	3.475.843.624.232	1.822.624.002.211
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	23	59.749.496.547	53.386.687.257
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.107.380.973.843</b>	<b>3.543.533.331.080</b>
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	19	37.736.977.305	39.038.252.385
Phải trả dài hạn khác	337	20(b)	6.836.856.000	6.776.856.000
Trái phiếu	338	21(b)	2.042.916.666.687	3.475.916.666.679
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	16	19.890.473.851	19.394.426.038
Dự phòng dài hạn	342	22	-	2.407.129.978
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>2.991.625.028.663</b>	<b>2.292.971.360.710</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>2.991.625.028.663</b>	<b>2.292.971.360.710</b>
Vốn cổ phần	411	25	700.000.000.000	700.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	24	177.876.869.236	177.876.869.236
Cổ phiếu quỹ	415	24	(80.162.090.861)	(80.162.090.861)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	24	125.543.277.919	126.455.519.008
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	54.374.900.005	32.244.098.097
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.452.263.283.294	845.897.804.857
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		561.728.789.070	490.659.160.373
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b> <b>(440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>9.510.286.653.759</b>	<b>8.189.815.418.602</b>

Ngày 12 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Người duyệt:

Lưu Minh Trung  
Kế toán trưởng

Le Văn Diệp  
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12**  
**năm 2017**

**Mẫu B 02 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>01</b>	<b>28</b>	<b>15.767.101.730.018</b>	<b>12.064.285.911.553</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>28</b>	<b>101.816.730.781</b>	<b>90.872.371.891</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>28</b>	<b>15.665.284.999.237</b>	<b>11.973.413.539.662</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>29</b>	<b>13.801.135.627.286</b>	<b>10.990.617.465.233</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>1.864.149.371.951</b>	<b>982.796.074.429</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	142.113.369.593	141.658.188.222
Chi phí tài chính	22	31	280.049.253.163	310.702.276.587
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>180.875.770.671</i>	<i>218.817.940.952</i>
Phần lỗ trong công ty liên kết	24		232.980.924	-
Chi phí bán hàng	25	32	772.186.424.083	638.209.772.205
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	161.850.564.772	150.800.562.576
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - 22 - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>791.943.518.602</b>	<b>24.741.651.283</b>
Thu nhập khác	31	34	3.624.897.650	78.709.686.820
Chi phí khác	32	35	3.368.196.325	2.571.621.875
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>256.701.325</b>	<b>76.138.064.945</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>792.200.219.927</b>	<b>100.879.716.228</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>37</b>	<b>79.211.363.515</b>	<b>15.179.111.523</b>
<b>(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>37</b>	<b>(1.174.218.042)</b>	<b>3.809.503.851</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (mang sang trang sau) (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>714.163.074.454</b>	<b>81.891.100.854</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12**  
**năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 02 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b> (được chuyển từ trang trước) (60 = 50 - 51 - 52)	<b>60</b>		<b>714.163.074.454</b>	<b>81.891.100.854</b>
<b>Phân bổ:</b>				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		639.019.613.866	72.084.426.856
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		75.143.460.588	9.806.673.998
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>38</b>	<b>9.254</b>	<b>1.053</b>

Ngày 12 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Lưu Minh Trung  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Le Văn Điệp  
Phó Tổng Giám đốc



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã</b>	<b>Thuyết</b>	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>số</b>	<b>minh</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>792.200.219.927</b>	<b>100.879.716.228</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		165.302.178.984	186.666.565.275
Các khoản dự phòng	03		(707.991.767)	(11.341.610.924)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2.915.618.988)	(6.189.174.677)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(87.814.406)	(302.901.481)
Lãi từ đánh giá lại tài sản góp vào công ty liên kết	05		(1.301.275.080)	(174.449.010)
Lỗ từ xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang	05		-	830.681.061
Thu nhập cổ tức và lãi tiền gửi	05		(92.186.176.242)	(97.259.779.492)
Phần lỗ trong công ty liên kết	05		232.980.924	-
Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu	06		187.875.770.679	225.817.940.960
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>1.048.412.274.031</b>	<b>398.926.987.940</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(564.704.413.252)	66.166.131.696
Biến động hàng tồn kho	10		(856.766.130.859)	1.120.736.967.018
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		371.198.953.296	5.350.370.649
Biến động chi phí trả trước	12		5.832.079.947	4.392.697.952
			<b>3.972.763.163</b>	<b>1.595.573.155.255</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(189.420.314.330)	(217.522.188.108)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(36.756.729.716)	(33.168.442.631)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6.567.654.209)	(77.417.992.369)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(228.771.935.092)</b>	<b>1.267.464.532.147</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã</b>	<b>Thuyết</b>	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>số</b>	<b>minh</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(82.122.386.776)	(22.939.730.803)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		427.272.727	1.712.727.272
Tiền chi cho công ty liên kết vay	23		-	(54.000.000.000)
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	23		(209.805.066.560)	(819.704.996.315)
Tiền thu từ tiền có kỳ hạn	24		465.600.000.000	1.219.000.000.000
Tiền thu từ cho người lao động vay	24		1.643.478.552	1.538.400.000
Tiền thu hồi cho vay	24		10.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư vào trái phiếu	25		(5.000.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		89.622.331.949	98.585.523.054
Tiền thu từ thanh lý công ty con	28		-	33.000.000.000
Tiền thu từ thanh lý công ty liên kết	28		-	7.009.600.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>270.365.629.892</b>	<b>464.201.523.208</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền vay nhận được	33		15.336.837.302.041	9.811.194.654.378
Tiền chi trả nợ gốc vay và mua lại trái phiếu	34		(15.121.605.870.913)	(10.887.460.095.024)
Tiền trả cổ tức	35		(5.020.368.405)	(2.518.284.673)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>210.211.062.723</b>	<b>(1.078.783.725.319)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		251.804.757.523	652.882.330.036
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		1.532.279.347.669	864.823.486.140
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		1.031.472.582	14.573.531.493
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	1.785.115.577.774	1.532.279.347.669

Ngày 12 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Lưu Minh Trung  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

Lê Văn Điệp  
 Phó Tổng Giám đốc



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2000393273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 23 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ theo quyết định số 813/QĐ-SGDHN ngày 27 tháng 9 năm 2017, Công ty đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận cho Công ty được đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là MPC.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm Công ty và các công ty con, như được liệt kê trong Thuyết minh 1(d) dưới đây, (gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

### **(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Tập đoàn là nuôi trồng, chế biến và kinh doanh hàng thủy sản; kinh doanh giống thủy sản và thức ăn thủy sản; và kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ cho ngành thủy sản.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(d) Cấu trúc Tập đoàn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 13 công ty con (1/1/2017: 12 công ty con) chi tiết như sau:

Công ty con	Hoạt động chính	% lợi ích kinh tế	
		31/12/2017	1/1/2017
Công ty Cổ phần Mseafood	Kinh doanh các sản phẩm thủy sản.	90,0%	90,0%
Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	Chế biến và kinh doanh bột cá, các sản phẩm thủy sản, dầu cá sinh học; kinh doanh hàng hóa, nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản; đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng; xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng.	67,5%	67,5%

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Công ty con	Hoạt động chính	% lợi ích kinh tế	
		31/12/2017	1/1/2017
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý	Chế biến và kinh doanh các sản phẩm thủy sản, nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	97,5%	97,5%
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát	Chế biến và kinh doanh các sản phẩm thủy sản, nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	95,0%	95,0%
Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang (*)	Nuôi trồng thủy sản; chế biến, bảo quản các sản phẩm thủy sản; sản xuất giống thủy sản; kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	99,1%	99,1%
Công ty TNHH Sản xuất giống thủy sản Minh Phú	Sản xuất, cung cấp và kinh doanh giống thủy sản; chế biến, bảo quản các sản phẩm thủy sản; kinh doanh thực phẩm và nguyên vật liệu phục vụ ngành chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản.	98,5%	98,5%
Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An (*)	Nuôi trồng thủy sản; sản xuất và kinh doanh thực phẩm thủy sản, kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	100%	100%
Công ty TNHH MTV Sản xuất chế phẩm Sinh học Minh Phú	Sản xuất các sản phẩm sinh học và phân bón phục vụ ngành nông nghiệp.	100%	100%
Công ty TNHH Chuỗi cung ứng Thủy sản Minh Phú	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản; chế biến sản phẩm thủy sản; sản xuất thức ăn nuôi trồng thủy sản; kinh doanh máy móc và thiết bị cho nuôi trồng thủy sản.	100%	100%
Công ty TNHH Kho vận Ebisumo	Kinh doanh các sản phẩm thủy sản.	100%	100%
Công ty TNHH Thực phẩm Minh Phú (*)	Kinh doanh các sản phẩm nông lâm nghiệp.	100%	100%
Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang	Xây dựng cảng vận tải, cảng dầu khí; kinh doanh dầu khí, kinh doanh các loại máy móc và thiết bị cho sản xuất.	83,7%	83,7%
Doanh nghiệp Xã hội Chuỗi Tôm Rừng Minh Phú (**)	Nuôi trồng thủy sản; sản xuất và kinh doanh thức ăn thủy sản, tư vấn nuôi trồng thủy sản và chế biến hàng thủy sản.	45,5%	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tỷ lệ lợi ích kinh tế phản ánh tỷ lệ các lợi ích kinh tế thực tế của Công ty trong các công ty con mà Công ty sở hữu trực tiếp và gián tiếp.

- (\*) Ngày 8 tháng 8 năm 2017, căn cứ theo Biên bản họp số 81/HĐQT.MPC.17, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định điều chỉnh giảm vốn pháp định được duyệt của Công ty TNHH Thực phẩm Minh Phú từ 40,8 tỷ VND xuống 2 tỷ VND, tăng vốn pháp định được duyệt của Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang và Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An lần lượt từ 153,9 tỷ VND lên 220 tỷ VND và từ 151 tỷ VND lên 180 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo, Công ty chưa góp đủ vốn cho các công ty con này.
- (\*\*) Ngày 12 tháng 1 năm 2017, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định thành lập Doanh nghiệp Xã hội Chuỗi Tôm Rừng Minh Phú, tại tỉnh Cà Mau với số vốn pháp định được duyệt là 18 tỷ VND. Công ty nắm giữ trực tiếp 25,00% lợi ích của đơn vị này và nắm giữ gián tiếp 25,00% lợi ích của đơn vị này qua các công ty con. Hoạt động chính của Doanh nghiệp Xã hội Chuỗi Tôm Rừng Minh Phú là nuôi trồng thủy sản; sản xuất và kinh doanh thức ăn thủy sản, tư vấn nuôi trồng thủy sản và chế biến hàng thủy sản.

Ngày 9 tháng 8 năm 2017, căn cứ vào giấy thỏa thuận giữa các bên góp vốn, vốn pháp định của Doanh nghiệp Xã hội Chuỗi Tôm Rừng Minh Phú được điều chỉnh giảm từ 18 tỷ VND xuống 9,9 tỷ VND và việc điều chỉnh giảm vốn này làm thay đổi cơ cấu vốn góp của công ty này. Theo đó, Công ty nắm giữ trực tiếp 25,25% lợi ích của đơn vị này và nắm giữ gián tiếp 20,20% lợi ích của đơn vị này qua các công ty con. Các cổ đông còn lại là ông Lê Văn Quang và bà Lê Thị Dịu Minh lần lượt sở hữu 39,40% và 15,15% vốn góp của đơn vị này.

Công ty phân loại khoản đầu tư vào Doanh nghiệp Xã hội Chuỗi Tôm Rừng Minh Phú là khoản đầu tư vào công ty con do ông Lê Văn Quang và bà Lê Thị Dịu Minh đã ủy quyền cho Công ty thay mặt các cổ đông này có quyền biểu quyết tại đơn vị.

Tại ngày lập báo cáo, Công ty và những cổ đông khác chưa góp đủ vốn điều lệ cho công ty con này.

Công ty Cổ phần Mseafood được đăng ký thành lập ở bang California, Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Công ty TNHH Kho vận Ebisumo được đăng ký thành lập ở Nhật. Tất cả các công ty con còn lại được đăng ký thành lập ở Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 2 công ty liên kết (1/1/2017: 2 công ty liên kết) chi tiết trong Thuyết minh 6(c).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có 12.745 nhân viên (1/1/2017: 12.477 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Những chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

**(iii) Mất quyền kiểm soát**

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

**(iv) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

**(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

**(b) Ngoại tệ**

**(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(ii) Hoạt động ở nước ngoài**

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Các khoản đầu tư**

**(i) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

**(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác, mà Tập đoàn không có quyền kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng trọng yếu, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(e) Các khoản phải thu**

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                          |            |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa                | 5 – 39 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị    | 4 – 15 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 5 – 15 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng     | 3 – 15 năm |

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn từ 43 năm đến 50 năm.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không được khấu hao.

**(ii) Phần mềm máy tính**

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 đến 10 năm.

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí xây dựng, máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong và chi phí liên quan đến nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất chưa hoàn tất. Tập đoàn không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng, lắp đặt và trong quá trình nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 6 đến 20 năm.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(k) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ), được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được gộp trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

**(l) Phải trả người bán và phải trả khác**

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

**(m) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(n) Trái phiếu phát hành**

***Trái phiếu thường***

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(o) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Khi Tập đoàn mua lại cổ phiếu đã được phát hành trước đây, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó để phát hành lại, giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất cố hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất cố hiệu lực hoặc cơ bản cố hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(p) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iii) Thu nhập từ cổ tức**

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(r) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

**(s) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty không có lãi suy giảm trên cổ phiếu.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(t) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(u) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập đến các cổ đông và các công ty con và công ty liên kết của các cổ đông này.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**4. Báo cáo bộ phận**

**(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Nuôi trồng sản phẩm thủy sản
- Chế biến sản phẩm thủy sản
- Kinh doanh sản phẩm thủy sản
- Bộ phận kinh doanh khác

<b>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>	<b>Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND</b>	<b>Chế biến sản phẩm thủy sản VND</b>	<b>Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND</b>	<b>Bộ phận kinh doanh khác VND</b>	<b>Loại trừ VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	10.080.000	8.803.643.437.741	6.790.355.279.813	71.276.201.683	-	15.665.284.999.237
Doanh thu giữa các bộ phận	921.883.711.359	7.190.920.831.575	5.217.810.431.353	165.578.005.495	(13.496.192.979.782)	-
<b>Tổng doanh thu của bộ phận</b>	<b>921.893.791.359</b>	<b>15.994.564.269.316</b>	<b>12.008.165.711.166</b>	<b>236.854.207.178</b>	<b>(13.496.192.979.782)</b>	<b>15.665.284.999.237</b>
<b>Kết quả kinh doanh của bộ phận</b>	<b>(36.845.866.788)</b>	<b>734.660.514.828</b>	<b>214.114.863.993</b>	<b>28.694.337.196</b>	<b>(10.511.466.133)</b>	<b>930.112.383.096</b>
Doanh thu hoạt động tài chính						142.113.369.593
Chi phí tài chính						(280.049.253.163)
Phần lỗ trong công ty liên kết						(232.980.924)
<b>Kết quả từ hoạt động kinh doanh</b>						<b>791.943.518.602</b>
Thu nhập khác						3.624.897.650
Chi phí khác						(3.368.196.325)
Thuế thu nhập doanh nghiệp						(78.037.145.473)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>						<b>714.163.074.454</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

<b>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>	<b>Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND</b>	<b>Chế biến sản phẩm thủy sản VND</b>	<b>Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND</b>	<b>Bộ phận kinh doanh khác VND</b>	<b>Loại trừ VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	3.184.655.500	6.704.217.677.968	5.201.974.245.143	64.036.961.051	-	11.973.413.539.662
Doanh thu giữa các bộ phận	87.002.428.525	5.244.106.656.219	2.556.249.464.028	82.098.953.380	(7.969.457.502.152)	-
<b>Tổng doanh thu của bộ phận</b>	<b>90.187.084.025</b>	<b>11.948.324.334.187</b>	<b>7.758.223.709.171</b>	<b>146.135.914.431</b>	<b>(7.969.457.502.152)</b>	<b>11.973.413.539.662</b>
<b>Kết quả kinh doanh của bộ phận</b>	<b>(84.190.945.350)</b>	<b>290.717.272.192</b>	<b>817.593.283</b>	<b>(318.548.121)</b>	<b>(13.239.632.356)</b>	<b>193.785.739.648</b>
Doanh thu hoạt động tài chính						141.658.188.222
Chi phí tài chính						(310.702.276.587)
<b>Kết quả từ hoạt động kinh doanh</b>						<b>24.741.651.283</b>
Thu nhập khác						78.709.686.820
Chi phí khác						(2.571.621.875)
Thuế thu nhập doanh nghiệp						(18.988.615.374)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>						<b>81.891.100.854</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>	<b>Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND</b>	<b>Chế biến sản phẩm thủy sản VND</b>	<b>Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND</b>	<b>Bộ phận kinh doanh khác VND</b>	<b>Loại trừ VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
Tài sản của bộ phận	199.032.512.122	8.145.096.569.740	5.601.107.124.927	239.994.757.316	(4.776.611.329.422)	9.408.619.634.683
Đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo vốn chủ sở hữu						101.667.019.076
<b>Tổng tài sản</b>						<b>9.510.286.653.759</b>
Nợ phải trả của bộ phận	256.761.652.338	5.360.268.721.739	4.238.888.941.941	30.786.979.634	(3.368.044.670.556)	6.518.661.625.096
<b>Tổng nợ phải trả</b>						<b>6.518.661.625.096</b>
<b>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>						
Chi tiêu vốn	49.016.000	63.843.848.759	15.347.024.272	1.691.517.627	-	80.931.406.658
Khấu hao và phân bổ	15.493.872.743	93.415.171.275	48.827.925.274	4.476.313.992	3.088.895.700	165.302.178.984

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

<b>Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017</b>	<b>Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND</b>	<b>Chế biến sản phẩm thủy sản VND</b>	<b>Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND</b>	<b>Bộ phận kinh doanh khác VND</b>	<b>Loại trừ VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
Tài sản của bộ phận	224.960.483.892	7.369.873.187.575	3.328.332.158.127	200.748.998.296	(3.042.999.409.288)	8.080.915.418.602
Đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo vốn chủ sở hữu						108.900.000.000
<b>Tổng tài sản</b>						<b>8.189.815.418.602</b>
Nợ phải trả của bộ phận	250.722.326.348	5.060.272.160.989	2.209.477.500.974	25.938.703.140	(1.649.566.633.559)	5.896.844.057.892
<b>Tổng nợ phải trả</b>						<b>5.896.844.057.892</b>
<b>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>						
Chi tiêu vốn	581.023.267	17.109.669.954	4.941.294.323	307.743.259	-	22.939.730.803
Khấu hao và phân bổ	20.759.798.994	129.754.916.767	28.089.134.501	4.973.819.313	3.088.895.700	186.666.565.275

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý**

**(i) Doanh thu bộ phận**

	<b>Doanh thu bán ra bên ngoài</b>	
	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Việt Nam	103.719.797.779	69.768.129.691
Bắc Mỹ	7.443.990.655.443	5.924.015.256.229
Châu Âu	1.080.549.186.084	1.027.955.917.877
Nhật Bản	3.624.793.042.248	2.484.827.426.704
Hàn Quốc	1.247.584.725.209	890.885.706.045
Các vùng địa lý khác	2.164.647.592.474	1.575.961.103.116
	15.665.284.999.237	11.973.413.539.662

**(ii) Tài sản bộ phận**

	<b>Tổng tài sản</b>	
	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Việt Nam	7.035.314.593.750	6.456.274.478.810
Bắc Mỹ	2.296.142.331.840	1.730.334.403.312
Nhật Bản	178.829.728.169	3.206.536.480
	9.510.286.653.759	8.189.815.418.602

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	2.398.594.984	5.272.364.100
Tiền gửi ngân hàng	178.125.732.790	157.951.875.921
Các khoản tương đương tiền	1.604.591.250.000	1.369.055.107.648
	1.785.115.577.774	1.532.279.347.669

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**6. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2017			1/1/2017				
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư cổ phiếu ngắn hạn:								
▪ Công ty cổ phần Vận tải Xăng dầu Việt Nam	171.578	6.004.500.000	3.337.192.100	(3.439.408.900)	171.578	6.004.500.000	1.990.304.800	(4.155.995.200)
▪ Công ty cổ phần Đầu tư & Xây dựng Số 8	112.000	5.263.000.000	1.120.000.000	(4.143.000.000)	112.000	5.263.000.000	952.000.000	(4.311.000.000)
▪ Công ty cổ phần cơ điện lạnh	19	80.000	810.350	-	19	80.000	468.350	-
▪ Công ty cổ phần công nghệ mới Kim Tụ Tháp Việt Nam	18.823	272.941.176	188.230.000	(84.711.176)	18.823	272.941.176	449.681.470	-
▪ Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển	163.646	3.270.588.235	1.832.835.200	(946.815.035)	163.646	3.270.588.235	2.070.121.900	(1.578.106.335)
		14.811.109.411	6.479.067.650	(8.613.935.111)		14.811.109.411	5.462.576.520	(10.045.101.535)

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	10.045.101.535	8.378.460.000
Tăng dự phòng trong năm	84.711.176	1.666.641.535
Hoàn nhập	(1.515.877.600)	-
	8.613.935.111	10.045.101.535

**(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn</b>		
Tiền gửi có kỳ hạn	225.038.932.350	488.343.136.562
	225.038.932.350	488.343.136.562
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn</b>		
Tiền gửi có kỳ hạn	7.500.000.000	-
Trái phiếu ngân hàng	5.000.000.000	-
	12.500.000.000	-

Khoản này phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới một năm và hưởng lãi suất năm dao động từ 6,5% đến 6,8% trong năm (2016: từ 4,5% đến 7,6% một năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, 92.000 triệu VND (1/1/2017: không) tiền gửi có kỳ hạn được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 21(a)).

Trái phiếu ngân hàng bao gồm các trái phiếu không chuyển đổi do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam phát hành ngày 14 tháng 11 năm 2017. Các trái phiếu này sẽ đến hạn hoàn trả vào ngày 14 tháng 11 năm 2036. Các trái phiếu này hưởng lãi suất dao động từ 7,7% đến 7,8% trong năm (2016: Không).



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

**Ngày 31 tháng 12 năm 2017**

Đầu tư góp vốn vào:

**Công ty liên kết**

- Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi Trồng Thủy Sản Minh Phú Aquamekong (“Aquamekong”)
- Công ty Cổ phần Mekong Logistics (“Mekong Logistics”)

**Các công ty khác**

- Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau (“Hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau”)

	Địa chỉ	% số hữu	% lợi ích kinh tế	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,0%	49,0%	5.366.085.249	(*)
	Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	41,0%	49,0%	96.300.933.827	(*)
				<u>101.667.019.076</u>	
	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	10,0%	10,0%	7.000.000.000	(*)
				<u>108.667.019.076</u>	

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Ngày 1 tháng 1 năm 2017**

Đầu tư góp vốn vào:

**Công ty liên kết**

- Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi Trồng Thủy Sản Minh Phú Aquamekong
- Công ty Cổ phần Mekong Logistics

	Địa chỉ	% sở hữu	% lợi ích kinh tế	Giá trị ghi số VND	Giá trị hợp lý VND
	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,0%	49,0%	3.900.000.000	(*)
	Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	41,0%	49,0%	98.000.000.000	(*)
				101.900.000.000	

**Các công ty khác**

- Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau

	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	10,0%	10,0%	7.000.000.000	(*)
				108.900.000.000	

(\*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết trong năm như sau:

	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	101.900.000.000
Lỗ phải chia từ các công ty liên kết	(232.980.924)
	101.667.019.076
	101.667.019.076

Trong năm không có biến động về đầu tư góp vốn vào các công ty khác.

## **7. Phải thu của khách hàng**

### **(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Aqua Star	278.466.886.020	114.641.990.962
Censea Inc.	182.859.648.240	182.288.366.943
Kailis Bros PTY Ltd.	160.023.489.936	81.337.335.851
H.T.Foods Pvt Ltd.	17.315.584.011	127.870.426.591
Các khách hàng khác	1.158.560.047.637	626.918.949.088
	1.797.225.655.844	1.133.057.069.435
	1.797.225.655.844	1.133.057.069.435

### **(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau	2.058.898.500	2.058.898.500
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi Trồng Thủy Sản Minh Phú Aquamekong	24.000.000	-
	2.082.898.500	2.058.898.500
	2.082.898.500	2.058.898.500

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không được hưởng lãi và có thể được thu hồi theo yêu cầu.

Phải thu của khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm 992.884 triệu VND (1/1/2017: 495.811 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 21(a)). Các khoản phải thu khách hàng này đồng thời cũng được đảm bảo bổ sung cho trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi Tập đoàn (Thuyết minh 21(b)).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## 8. Phải thu về cho vay

Phải thu về cho vay phản ánh khoản cho Công ty Cổ phần Mekong Logistics vay, một công ty liên kết. Khoản vay này không được bảo đảm và hưởng lãi suất năm là 7% (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016: 7%) và có thể thu được trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân.

Biến động các khoản phải thu về cho vay trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	54.000.000.000	-
Tăng trong năm	-	54.000.000.000
Thu hồi trong năm	(10.000.000.000)	-
Số dư cuối năm	44.000.000.000	54.000.000.000

## 9. Phải thu khác

### (a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Lãi phải thu từ tiền gửi	15.293.961.649	12.730.117.356
Ký quỹ ngắn hạn (*)	5.065.897.971	53.711.852.950
Tạm ứng cho nhân viên	4.681.634.510	2.776.993.012
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế phải thu người lao động	3.505.044.890	3.644.866.628
Cho người lao động vay (**)	1.118.483.357	2.761.961.909
Phải thu khác	7.398.123.540	7.129.412.846
	37.063.145.917	82.755.204.701

(\*) Khoản này bao gồm khoản ký quỹ ngắn hạn 4.542 triệu VND tại ngân hàng nhằm mở thư tín dụng để mua hàng hóa. Khoản ký quỹ này không được hưởng lãi và được hoàn trả trong vòng một năm.

(\*\*) Khoản này phản ánh khoản tiền cho người lao động vay, không được đảm bảo, không được hưởng lãi và có thể được thu hồi khi có yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải thu dài hạn khác**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế chống bán phá giá (*)	7.298.653.350	7.372.620.807
Tạm ứng cho người nuôi tôm (**)	7.306.508.578	7.306.508.578
	14.605.161.928	14.679.129.385

- (\*) Khoản này phản ánh khoản trả trước thuế chống bán phá giá. Trước ngày 18 tháng 7 năm 2016, theo Luật Chống bán phá giá của Hoa Kỳ, Công ty Cổ phần Mseafod (“Mseafod”), là một công ty con chuyên nhập khẩu tôm từ Tập đoàn vào Hoa Kỳ, phải tạm nộp thuế chống bán phá giá theo quyết định rà soát hành chính thường niên của Bộ Thương mại Hoa Kỳ (“DOC”). Mỗi năm, Mseafod phải tạm nộp thuế chống bán phá giá theo mức thuế suất tạm tính do DOC qui định. Ngày 18 tháng 7 năm 2016, DOC đã ban hành quyết định nhằm thực thi thỏa thuận song phương giữa Hoa Kỳ và Việt Nam nhằm giải quyết tranh chấp về vụ kiện chống bán phá giá tôm tại Tổ chức Thương mại Thế giới. Theo đó, Tập đoàn sẽ được dỡ bỏ lệnh áp thuế chống bán phá giá kể từ ngày 18 tháng 7 năm 2016. Thêm vào đó, các vấn đề liên quan đến vụ kiện chống bán phá giá đã được giải quyết, khoản trả trước thuế chống bán phá giá sẽ được hoàn trả cho Tập đoàn.
- (\*\*) Khoản này phản ánh khoản tạm ứng cho nông dân để hỗ trợ việc nuôi tôm, được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của nông dân. Khoản tạm ứng này không được hưởng lãi và có thể được thu hồi trong vòng 4 năm.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**10. Dự phòng phải thu khó đòi**

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
<b>Nợ quá hạn</b>				
Công ty TNHH Chế biến và xuất nhập khẩu Thủy hải sản Việt Hải	4 – 5 năm	982.302.147	-	982.302.147
Công ty Cổ phần Nuôi trồng và chế biến Thủy sản Mò Ó Sóc Trăng	4 – 5 năm	771.913.390	-	771.913.390
Công ty TNHH Thanh Bình	4 – 5 năm	209.324.000	-	209.324.000
		<u>1.963.539.537</u>	<u>-</u>	<u>1.963.539.537</u>

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn

1.963.539.537

1.963.539.537

Không có biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Hàng tồn kho**

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	560.345.768.301	-	78.104.217.404	-
Nguyên vật liệu	123.769.644.705	-	98.875.014.292	-
Công cụ và dụng cụ	5.319.462.912	-	5.662.179.015	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	44.083.693.782	-	35.175.086.812	-
Thành phẩm	3.367.957.179.858	(28.276.520.214)	3.030.183.798.949	(27.569.745.557)
	4.101.475.749.558	(28.276.520.214)	3.248.000.296.472	(27.569.745.557)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	27.569.745.557	40.307.098.016
Tăng dự phòng trong năm	14.238.101.185	1.401.557.628
Hoàn nhập	(13.514.926.528)	(14.409.810.087)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(16.400.000)	270.900.000
Số dư cuối năm	28.276.520.214	27.569.745.557

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 2.397.536 triệu VND (1/1/2017: 2.094.521 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 21(a)). Hàng tồn kho này đồng thời cũng được đảm bảo bổ sung cho trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi Tập đoàn (Thuyết minh 21(b)).

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có 237.360 triệu VND (1/1/2017: 384.603 triệu VND) thành phẩm được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**12. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	732.678.258.354	1.117.627.877.672	152.427.792.484	20.557.034.353	2.023.290.962.863
Tăng trong năm	916.728.727	55.374.988.291	4.798.196.910	239.649.091	61.329.563.019
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	4.456.000.000	-	4.456.000.000
Thanh lý	-	-	(1.803.818.182)	-	(1.803.818.182)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(22.697.805)	-	-	(1.178.217)	(23.876.022)
Số dư cuối năm	733.572.289.276	1.173.002.865.963	159.878.171.212	20.795.505.227	2.087.248.831.678
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	268.158.707.798	643.496.768.225	86.522.239.809	12.713.386.009	1.010.891.101.841
Khấu hao trong năm	29.060.573.665	111.842.635.361	15.504.449.070	2.063.413.908	158.471.072.004
Thanh lý	-	-	(1.464.359.861)	-	(1.464.359.861)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(5.832.586)	-	-	(1.178.217)	(7.010.803)
Số dư cuối năm	297.213.448.877	755.339.403.586	100.562.329.018	14.775.621.700	1.167.890.803.181
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	464.519.550.556	474.131.109.447	65.905.552.675	7.843.648.344	1.012.399.861.022
Số dư cuối năm	436.358.840.399	417.663.462.377	59.315.842.194	6.019.883.527	919.358.028.497

Trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 258.509 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 171.070 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 391.465 triệu VND (1/1/2017: 260.550 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 21(a)). Các tài sản cố định hữu hình này đồng thời cũng được đảm bảo bổ sung cho trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi Tập đoàn (Thuyết minh 21(b)).

### 13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn VND	Quyền sử dụng đất có xác định thời hạn VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	18.948.576.507	110.923.425.700	30.150.276.330	160.022.278.537
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(88.742.326.115)	-	(88.742.326.115)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(26.845.037)	-	-	(26.845.037)
Số dư cuối năm	18.921.731.470	22.181.099.585	30.150.276.330	71.253.107.385
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	-	11.941.905.291	4.611.939.353	16.553.844.644
Khấu hao trong năm	-	1.300.967.027	2.441.244.253	3.742.211.280
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(8.496.532.487)	-	(8.496.532.487)
Số dư cuối năm	-	4.746.339.831	7.053.183.606	11.799.523.437
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	18.948.576.507	98.981.520.409	25.538.336.977	143.468.433.893
Số dư cuối năm	18.921.731.470	17.434.759.754	23.097.092.724	59.453.583.948

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 3.016 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 3.016 triệu VND), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 2.050 triệu VND (1/1/2017: 49.885 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 21(a)). Các tài sản cố định vô hình này đồng thời cũng được đảm bảo bổ sung cho trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi Tập đoàn (Thuyết minh 21(b)).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	160.575.227.654	145.000.706.037
Tăng trong năm	19.671.843.638	5.849.660.909
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(4.456.000.000)	(952.785.455)
Chuyển (sang)/từ chi phí trả trước dài hạn	(18.272.135.154)	11.508.327.224
Xóa sổ	-	(830.681.061)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	157.518.936.138	160.575.227.654

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2017</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2017</b> <b>VND</b>
Nhà cửa	35.183.516.705	46.277.428.222
Quyền sử dụng đất	122.180.992.565	96.921.187.244
Máy móc	-	6.660.994.364
Các công trình khác	154.426.868	10.715.617.824
	<hr/>	<hr/>
	157.518.936.138	160.575.227.654

**15. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí đất</b> <b>trả trước</b> <b>VND</b>	<b>Công cụ và</b> <b>dụng cụ</b> <b>VND</b>	<b>Tổng</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	45.641.645.219	37.812.319.624	83.453.964.843
Tăng trong năm	1.154.364.779	33.029.833.828	34.184.198.607
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	18.272.135.154	-	18.272.135.154
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	80.245.793.628	-	80.245.793.628
Phân bổ trong năm	(3.169.480.152)	(38.326.900.446)	(41.496.380.598)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	142.144.458.628	32.515.253.006	174.659.711.634

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, chi phí trả trước dài hạn có giá trị ghi sổ là 46.650 triệu VND (1/1/2017: 54 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 21 (a)). Các chi phí trả trước dài hạn này đồng thời cũng được dùng để đảm bảo bổ sung cho trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi Tập đoàn (Thuyết minh 21(b)).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:</b>		
Lợi nhuận chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Tập đoàn	13.309.334.353	10.615.753.450
Các khoản dự phòng	29.439.883	29.439.883
Lãi chưa thực hiện do đánh giá lại tài sản góp cho công ty liên kết	7.565.100.477	8.588.415.525
Giá trị thuế của các khoản lỗ mang sang	9.441.021.752	9.441.021.752
	30.344.896.465	28.674.630.610
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:</b>		
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào công ty con	(17.890.029.536)	(17.801.645.998)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(2.000.444.315)	(1.592.780.040)
	(19.890.473.851)	(19.394.426.038)
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần</b>	10.454.422.614	9.280.204.572

**17. Lợi thế thương mại**

	<b>VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm và cuối năm	30.888.957.000
	30.888.957.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	26.513.021.614
Phân bổ trong năm	3.088.895.700
	29.601.917.314
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	4.375.935.386
Số dư cuối năm	1.287.039.686
	3.088.895.700

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Thuế phải nộp và phải thu Ngân sách Nhà nước**

**(a) Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước**

	1/1/2017 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Cán trừ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	887.066.076	159.884.288.513	(44.824.768.932)	(114.711.026.892)	-	1.235.558.765
Thuế xuất nhập khẩu	7.837.060	182.683.354	(204.915.711)	14.115.402	279.895	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.161.687.924	79.211.363.515	(36.756.729.716)	(12.208.353.422)	-	31.407.968.301
Thuế thu nhập cá nhân	791.245.455	7.576.225.704	(7.650.972.242)	145.182.299	-	861.681.216
Thuế khác	1.440.000	469.716.966	(436.362.446)	-	(98.800)	34.695.720
	2.849.276.515	247.324.278.052	(89.873.749.047)	(126.760.082.613)	181.095	33.539.904.002

**(b) Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước**

	1/1/2017 VND	Số đã nộp VND	Số đã được hoàn lại VND	Cán trừ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	31/12/2017 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.393.762.239	-	-	(12.208.353.422)	(17.047.446)	6.168.361.371
Thuế xuất nhập khẩu	5.211.890.866	285.483.955	(2.597.524.199)	14.115.402	(139.068)	2.913.826.956
Thuế thu nhập cá nhân	593.594.536	37.167.310	(614.631.589)	145.182.299	-	161.312.556
	24.199.247.641	322.651.265	(3.212.155.788)	(12.049.055.721)	(17.186.514)	9.243.500.883

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

Doanh thu chưa thực hiện dài hạn phản ánh khoản lãi chưa thực hiện do đánh giá lại tài sản góp vào một công ty liên kết. Biến động của doanh thu chưa thực hiện dài hạn được phân bổ vào thu nhập khác trong năm (Thuyết minh 34).

**20. Phải trả khác**

**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi vay phải trả	20.548.736.976	29.093.280.635
Cổ tức phải trả	2.619.368.300	3.659.368.300
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	5.154.010.250	6.446.980.635
Tiền thuê đất phải trả	3.451.759.324	3.717.279.272
Tạm ứng từ một bên thứ ba (*)	31.459.084.500	31.514.421.500
Phải trả khác	12.877.329.333	9.512.032.796
	<b>76.110.288.683</b>	<b>83.943.363.138</b>

(\*) Khoản này phản ánh tạm ứng tiền mặt nhận được từ một bên thứ ba theo thỏa thuận hợp tác liên doanh để nuôi trồng và kinh doanh thủy sản.

**(b) Phải trả dài hạn khác**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ký quỹ dài hạn nhận được	6.836.856.000	6.776.856.000

Các khoản phải trả khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 1 tháng 1 năm 2017 không quá hạn.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**21. Vay và trái phiếu**

**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2017		Biến động trong năm		31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn	1.822.624.002.211	15.336.837.302.041	(13.681.605.870.913)	(2.011.809.107)	3.475.843.624.232	

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm		31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
		2017	2016		
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau					
Khoản vay 1	USD	1,5% - 2,0%	1,5%	1.469.201.913.706	509.452.670.714
Khoản vay 2	USD	2,0% - 2,2%	1,5%	974.028.399.706	599.337.540.834
Khoản vay 3	USD	2,0%	-	55.661.639.210	-
Khoản vay 4	USD	1,5%	1,5%	-	10.505.069.491
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau					
Khoản vay 1	USD	2,0% - 3,0%	1,5% - 1,8%	407.618.902.877	320.099.032.139
Khoản vay 2	VND	4,7% - 5,0%	4,7% - 5,0%	270.377.089.221	198.929.054.610
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau					
Khoản vay 1	USD	2,0% - 2,4%	-	294.413.679.512	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau					
Khoản vay 1	USD	2,0%	1,5%	-	48.071.657.197
Khoản vay 2	USD	1,5%	1,5%	-	82.764.127.226
Ngân hàng Citibank – Bắc Mỹ (*)	USD	0%	0%	4.542.000.000	53.464.850.000
				<b>3.475.843.624.232</b>	<b>1.822.624.002.211</b>

(\*) Khoản vay này thể hiện khoản vay ngắn hạn nhằm mở thư tín dụng để mua hàng hóa của Công ty Cổ phần Mseafood – một công ty con. Khoản này không được đảm bảo, không chịu lãi và chịu phí mở tín dụng thương mại.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản vay ngân hàng được bảo đảm bằng các tài sản của Tập đoàn như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ tại ngày</b>	
	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh 6(b))	92.000.000.000	-
Phải thu của khách hàng (Thuyết minh 7)	992.884.331.847	495.810.528.720
Hàng tồn kho (Thuyết minh 11)	2.397.535.959.251	2.094.520.965.407
Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 12)	391.462.563.220	260.550.385.772
Tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 13)	2.050.211.480	49.885.042.836
Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 15)	46.650.281.381	54.353.333
	3.922.583.347.179	2.900.821.276.068

Các khoản phải thu khách hàng, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và chi phí trả trước dài hạn này đồng thời cũng được dùng làm tài sản đảm bảo bổ sung cho trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi Tập đoàn (Thuyết minh 21(b)).

**(b) Trái phiếu**

Điều khoản và điều kiện của trái phiếu doanh nghiệp dài hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất (năm)</b>		<b>Số lượng</b>		<b>Ngày đáo hạn</b>	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
		<b>2017</b>	<b>2016</b>	<b>2017</b>	<b>2016</b>		<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lô 1 (*)	VND	7,50%	7,50%	500	1.500	20/5/2020	492.750.000.005	1.489.750.000.003
Lô 2 (*)	VND	7,50%	7,50%	1.000	1.000	11/6/2020	995.166.666.672	993.166.666.670
Lô 3 (**)	VND	7,50%	7,50%	560	1.000	30/7/2020	555.000.000.010	993.000.000.006
							2.042.916.666.687	3.475.916.666.679

Trái phiếu được trình bày theo mệnh giá trừ đi chi phí phát hành. Chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (\*) Trái phiếu doanh nghiệp MPC\_BOND2015 không chuyển đổi với kỳ hạn 5 năm, có mệnh giá là 1 tỷ VND/một trái phiếu và được đảm bảo bổ sung bằng các khoản đầu tư của Công ty vào tám (8) công ty con và công ty liên kết với giá trị ghi sổ là 450.397 triệu VND (1/1/2017: 482.895 triệu VND) và các tài sản khác của Tập đoàn với giá trị ghi sổ được trình bày như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ tại ngày</b>	
	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu của khách hàng (Thuyết minh 7)	298.162.938.506	157.472.420.002
Hàng tồn kho (Thuyết minh 11)	1.160.595.579.077	896.738.000.000
Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 12)	91.689.756.338	92.956.051.780
Tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 13)	2.050.211.480	2.113.042.836
Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 15)	-	54.353.333
	<b>1.552.498.485.401</b>	<b>1.149.333.867.951</b>

Các khoản phải thu khách hàng, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và chi phí trả trước dài hạn này cũng đồng thời được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn như được trình bày ở Thuyết minh 21(a).

- (\*\*) Trái phiếu doanh nghiệp MPHG\_BOND2015 không chuyển đổi với kỳ hạn 5 năm, có mệnh giá là 1 tỷ VND/một trái phiếu và được đảm bảo bổ sung bằng khoản đầu tư vào công ty con của Công ty với giá trị ghi sổ là 99.000 triệu VND (1/1/2017: 99.000 triệu VND) và các tài sản sau đây:

	<b>Giá trị ghi sổ tại ngày</b>	
	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu của khách hàng (Thuyết minh 7)	694.721.393.341	338.338.108.718
Hàng tồn kho (Thuyết minh 11)	1.236.940.380.174	1.197.782.965.407
Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 12)	299.772.806.882	167.594.333.992
Tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 13)	-	47.772.000.000
Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 15(b))	46.650.281.381	-
	<b>2.278.084.861.778</b>	<b>1.751.487.408.117</b>

Các khoản phải thu khách hàng, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và chi phí trả trước dài hạn này cũng đồng thời được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn như được trình bày ở Thuyết minh 21(a).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(\*\*\*) Biến động của trái phiếu doanh nghiệp trong năm như sau:

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	3.475.916.666.679	3.968.916.666.671
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	7.000.000.008	7.000.000.008
Mua lại trái phiếu (****)	(1.440.000.000.000)	(500.000.000.000)
Số dư cuối kỳ	<u>2.042.916.666.687</u>	<u>3.475.916.666.679</u>

(\*\*\*\*) Trong năm, Tập đoàn đã mua lại trái phiếu doanh nghiệp đã phát hành với tổng mệnh giá là 1.440 tỷ VND trước ngày đến hạn hoàn trả của trái phiếu. Không có chi phí giao dịch phát sinh liên quan đến việc mua lại trái phiếu này.

## 22. Dự phòng dài hạn

Dự phòng dài hạn thể hiện khoản dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	2.407.129.978	2.737.632.692
Chuyển sang quỹ khen thưởng và phúc lợi	(2.019.253.112)	-
Dự phòng sử dụng trong năm	(387.876.866)	(330.502.714)
Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>2.407.129.978</u>

## 23. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được lập bằng cách trích từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Tập đoàn. Quỹ này được dùng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	53.386.687.257	88.371.069.916
Phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối	5.442.355.905	-
Sử dụng trong năm	(1.098.799.727)	(34.984.382.659)
Chuyển từ dự phòng trợ cấp thôi việc	2.019.253.112	-
Số dư cuối năm	<u>59.749.496.547</u>	<u>53.386.687.257</u>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016</b>	700.000.000.000	177.876.869.236	(80.162.090.861)	115.856.340.820	74.079.253.264	774.411.832.544	481.497.772.329	2.243.559.977.332
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	72.084.426.856	9.806.673.998	81.891.100.854
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	598.454.543	(598.454.543)	-	-
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(1.797.913.682)	(1.797.913.682)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(42.433.609.710)	-	-	(42.433.609.710)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	10.599.178.188	-	-	1.152.627.728	11.751.805.916
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017</b>	700.000.000.000	177.876.869.236	(80.162.090.861)	126.455.519.008	32.244.098.097	845.897.804.857	490.659.160.373	2.292.971.360.710
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	639.019.613.866	75.143.460.588	714.163.074.454
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	27.211.779.524	(27.211.779.524)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.442.355.905)	-	(5.442.355.905)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(3.980.368.405)	(3.980.368.405)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(5.080.977.616)	-	-	(5.080.977.616)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(912.241.089)	-	-	(93.463.486)	(1.005.704.575)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>	700.000.000.000	177.876.869.236	(80.162.090.861)	125.543.277.919	54.374.900.005	1.452.263.283.294	561.728.789.070	2.991.625.028.663

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	(1.537.150)	(80.162.090.861)	(1.537.150)	(80.162.090.861)
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	68.462.850	619.837.909.139	68.462.850	619.837.909.139

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

**26. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**27. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Trong vòng một năm	7.390.354.705	7.852.338.114
Trong vòng hai đến năm năm	3.568.185.000	9.773.894.066
Sau năm năm	4.564.986.301	-
	15.523.526.006	17.626.232.180

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	3.497.394	79.555.626.089	4.255.908	96.825.836.897
JPY	371.493.573	74.695.478.094	243.756.401	47.776.254.596
		154.251.104.183		144.602.091.493

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày lập báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	51.838.190.406	-
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	25.151.381.920	82.654.668.761
	76.989.572.326	82.654.668.761

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Thành phẩm đã bán	13.656.892.624.518	10.667.162.038.506
▪ Hàng hóa đã bán	2.066.074.968.370	1.369.679.644.247
▪ Phế liệu đã bán	24.054.173.926	22.919.432.379
▪ Doanh thu khác	20.079.963.204	4.524.796.421
	<hr/>	<hr/>
	15.767.101.730.018	12.064.285.911.553
Các khoản giảm trừ		
▪ Giảm giá hàng bán	2.723.688.776	1.439.810.080
▪ Hàng bán bị trả lại	99.093.042.005	89.432.561.811
	<hr/>	<hr/>
	101.816.730.781	90.872.371.891
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	15.665.284.999.237	11.973.413.539.662

**29. Giá vốn hàng bán**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn hàng bán	13.800.412.452.629	11.003.354.817.692
Tăng/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	723.174.657	(12.737.352.459)
	<hr/>	<hr/>
	13.801.135.627.286	10.990.617.465.233

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Thu nhập lãi tiền gửi	91.850.921.842	96.990.226.492
Cổ tức	335.254.400	269.553.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	44.937.560.547	37.354.509.507
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	2.944.735.222	7.043.899.223
Doanh thu tài chính khác	2.044.897.582	-
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	142.113.369.593	141.658.188.222

**31. Chi phí tài chính**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	180.875.770.671	218.817.940.952
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	93.554.635.690	82.342.623.069
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	29.116.234	854.724.546
Chi phí phát hành trái phiếu	7.000.000.008	7.000.000.008
Tăng/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(1.431.166.424)	1.666.641.535
Chi phí tài chính khác	20.896.984	20.346.477
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	280.049.253.163	310.702.276.587

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Chi phí bán hàng**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí vận chuyển	344.609.224.078	254.174.972.822
Chi phí thuê kho	158.459.401.685	121.885.335.079
Phí hoa hồng	171.184.546.294	147.332.938.248
Chi phí nhân viên	42.043.351.429	42.937.773.237
Chi phí công cụ và dụng cụ	2.765.183.586	2.368.500.799
Chi phí nguyên vật liệu	2.391.612.734	1.325.985.144
Chi phí khấu hao	806.439.116	785.187.457
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.815.788.582	38.859.249.203
Chi phí bán hàng khác	27.110.876.579	28.539.830.216
	772.186.424.083	638.209.772.205

**33. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	81.232.248.942	65.849.580.759
Phí ngân hàng	10.250.498.512	6.311.973.129
Chi phí dụng cụ văn phòng	4.251.660.230	4.943.915.969
Chi phí khấu hao	9.166.825.239	18.098.682.062
Phí và lệ phí	454.378.391	1.134.712.225
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.248.919.626	28.151.771.506
Chi phí khác	29.246.033.832	26.309.926.926
	161.850.564.772	150.800.562.576



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**34. Thu nhập khác**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	343.314.408	336.319.577
Giảm thuế chống bán phá giá	-	67.923.647.745
Tiền bồi thường nhận được	189.159.675	10.275.270.488
Phân bổ lãi từ đánh giá lại tài sản góp vào công ty liên kết (Thuyết minh 19)	1.301.275.080	174.449.010
Thu nhập khác	1.791.148.487	-
	3.624.897.650	78.709.686.820

**35. Chi phí khác**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	255.500.002	33.418.096
Lỗ từ xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang	-	830.681.061
Các khoản phạt	1.220.918.433	1.000.000
Chi phí khác	1.891.777.890	1.706.522.718
	3.368.196.325	2.571.621.875

**36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu	10.926.645.307.020	8.025.391.373.945
Chi phí nhân công và nhân viên	1.296.454.066.175	1.023.846.612.164
Chi phí khấu hao và phân bổ	165.302.178.984	186.666.565.275
Chi phí dịch vụ mua ngoài	786.332.604.572	964.919.552.569
Chi phí khác	320.728.170.522	278.754.655.321
	13.431.462.226.673	10.479.570.521.274

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**37. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	75.827.886.534	14.904.703.403
Dự phòng thiếu trong những năm trước	3.383.476.981	274.408.120
	<hr/>	<hr/>
	79.211.363.515	15.179.111.523
<b>(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(1.174.218.042)	3.809.503.851
	<hr/>	<hr/>
	78.037.145.473	18.988.615.374
	<hr/>	<hr/>

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	792.200.219.927	100.879.716.228
	<hr/>	<hr/>
Thuế theo thuế suất của Công ty	79.220.021.993	10.087.971.623
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.227.726.857	648.727.603
Ưu đãi thuế	(22.831.670.337)	(8.535.656.155)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	4.254.758.044	9.519.807.464
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác nhau áp dụng cho các công ty con	10.860.860.365	6.993.356.719
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	8.484.390.410	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	3.383.476.981	274.408.120
Thu nhập không chịu thuế	(971.688.460)	-
Lỗi tính thuế được sử dụng	(5.590.730.380)	-
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	78.037.145.473	18.988.615.374
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.395.919.217	119.795.960	1.401.557.628	70.077.881
Lỗi tính thuế	321.110.898.464	38.429.059.711	414.976.395.076	49.418.008.841
	<u>323.506.817.681</u>	<u>38.548.855.671</u>	<u>416.377.952.704</u>	<u>49.488.086.722</u>

Lỗi tính thuế bao gồm lỗi tính thuế của các công ty con của Công ty. Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND
2018	Chưa quyết toán	85.660.992.373
2019	Chưa quyết toán	19.305.217.302
2020	Chưa quyết toán	84.342.398.435
2021	Chưa quyết toán	93.604.643.919
2022	Chưa quyết toán	38.197.646.435
		<u>321.110.898.464</u>

Trong năm, lỗi tính thuế có giá trị là 76.224.015.118 VND đã hết hiệu lực.

Theo quy định hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ và lỗi tính thuế vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các công ty con của Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

**(d) Thuế suất áp dụng**

**Công ty**

Theo các điều khoản trong Luật Thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế đối với các hoạt động chế biến và sản xuất thủy sản và mức thuế suất thuế thu nhập thông thường đối với các hoạt động kinh doanh khác.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Các công ty con**

**Công ty Cổ phần Mseafood (“Mseafood”)**

Theo các điều khoản của luật thuế Hoa Kỳ, Mseafood có nghĩa vụ nộp hai loại thuế thu nhập doanh nghiệp sau:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho tiểu bang: theo thuế suất 8,84% trên lợi nhuận chịu thuế. Trong trường hợp lỗ, Mseafood vẫn phải trả khoản tiền thuế tối thiểu là 800 Đô la Mỹ.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho cục thuế liên bang: theo mức thuế cao hơn giữa lợi nhuận tính thuế nhân với thuế suất lũy tiến hoặc 20% của lợi nhuận chịu thuế.

**Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang (“Minh Phú - Hậu Giang”)**

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Phú - Hậu Giang có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2011 đến năm 2026 và 20% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Minh Phú - Hậu Giang cũng cho phép công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2012 đến năm 2015 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2016 đến năm 2024. Theo Thông tư 96/2015/TT-BTC, thu nhập từ các hoạt động chế biến hải sản được miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp. Tất cả các ưu đãi thuế trên không áp dụng cho các thu nhập khác, thu nhập này chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường.

**Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý (“Minh Quý”)**

Theo các điều khoản trong Luật Thuế thu nhập, Minh Quý có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận chịu thuế.

**Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát (“Minh Phát”)**

Theo các điều khoản trong Luật Thuế thu nhập, Minh Phát có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận chịu thuế.

**Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú - Kiên Giang (“Minh Phú - Kiên Giang”)**

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Phú – Kiên Giang có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2006 đến năm 2020 và 20% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Minh Phú - Kiên Giang cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2007 đến năm 2009 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2010 đến năm 2018. Tất cả các ưu đãi thuế trên không áp dụng cho các thu nhập khác, thu nhập này chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Công ty TNHH Sản xuất giống thủy sản Minh Phú (“Giống Thủy sản Minh Phú”)**

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đầu tư, Giống Thủy sản Minh Phú có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2006 đến năm 2020 và 20% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư của Giống Thủy sản Minh Phú cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2009 đến năm 2012 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2013 đến năm 2019. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Công ty không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không. Tất cả các ưu đãi thuế trên không áp dụng cho các thu nhập khác, thu nhập này chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường.

**Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú - Lộc An (“Minh Phú - Lộc An”)**

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Minh Phú - Lộc An có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận tính thuế. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư cũng cho phép Minh Phú - Lộc An được miễn thuế thu nhập trong một năm đầu kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% cho bốn năm tiếp theo. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Minh Phú - Lộc An không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Minh Phú - Lộc An có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không. Tất cả các miễn giảm thuế trên không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường.

**Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Chế phẩm Sinh học Minh Phú (“Minh Phú Sinh học”)**

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đầu tư, Minh Phú Sinh học có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2009 đến năm 2023 và 20% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư của Minh Phú Sinh học cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2009 đến năm 2012 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2013 đến năm 2021. Tất cả các miễn giảm thuế trên không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường.

**Công ty TNHH Chuỗi cung ứng Thủy sản Minh Phú (“Minh Phú Chuỗi cung ứng”)**

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đầu tư, Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm đầu kể từ năm đầu tiên có doanh thu và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho 9 năm liên tiếp. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Công ty không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không. Tất cả các miễn giảm thuế trên không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường.

**Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang**

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận chịu thuế.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**Công ty TNHH Kho vận Ebisumo (“Ebisumo”)**

Theo quy định của Nhật Bản, Ebisumo phải nộp 2 loại thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp tại mức thuế suất 15% cho 8 triệu JPY thu nhập chịu thuế đầu tiên và 23,4% cho khoản thu nhập chịu thuế vượt quá 8 triệu JPY.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp tại địa phương hoạt động: tại mức thuế suất 4,4% của thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

**Công ty TNHH Thực phẩm Minh Phú (“Thực phẩm Minh Phú”)**

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Thực phẩm Minh Phú có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

**Doanh nghiệp Xã hội Chuỗi Tôm Rừng Minh Phú (“Minh Phú Chuỗi Tôm Rừng”)**

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Phú Chuỗi Tôm Rừng có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

### **38. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	639.019.613.866	72.084.426.856
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	(5.442.355.905)	-
	633.577.257.961	72.084.426.856

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	68.462.850	68.462.850
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tại thời điểm cuối năm	68.462.850	68.462.850

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.254	1.053

**39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
<b>Công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần Mekong Logistics</b>		
Cho công ty liên kết vay	-	54.000.000.000
Mua dịch vụ từ công ty liên kết	29.832.620.490	2.590.410.240
Thu nhập lãi từ cho vay	711.666.667	-
<b>Cổ đông</b>		
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Long Phụng</b>		
Thuê văn phòng của cổ đông	2.371.041.223	1.829.200.255

**Giao dịch với các nhân sự chủ chốt**

Tổng lương thưởng và phụ cấp trả cho các nhân sự chủ chốt trong năm như sau:

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Lương thưởng và phụ cấp	18.261.212.393	16.724.398.094

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**40. Các giao dịch đầu tư phi tiền tệ**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên giá của tài sản cố định đã mua nhưng chưa thanh toán trong năm	7.035.867.739	8.156.847.858

**41. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán**

Ngày 9 tháng 3 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty đã phê duyệt các vấn đề sau:

**(a) Niêm yết cổ phiếu của Công ty tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**

Công ty hiện đang đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn giao dịch các công ty đại chúng chưa niêm yết (“Upcom”) với mã giao dịch là MPC. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 9 tháng 3 năm 2018 đã thông qua kế hoạch huỷ giao dịch cổ phiếu của Công ty tại Upcom và thực hiện đăng ký niêm yết cổ phiếu của Công ty tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh trong năm 2018.

**(b) Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu**

Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ là 1:1 từ nguồn vốn thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận chưa phân phối theo báo cáo tài chính riêng được kiểm toán của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Theo đó, vốn điều lệ dự kiến sau phát hành của Công ty là 1.384.628.500.000 VND.

**(c) Phát hành cổ phiếu thưởng cho cán bộ chủ chốt của Công ty**

Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cán bộ chủ chốt của Công ty với tổng số lượng cổ phiếu phát hành là 1.537.150 cổ phiếu, tương ứng với tổng mệnh giá phát hành là 15.271.500.000 VND. Theo đó, vốn điều lệ dự kiến sau phát hành của Công ty là 1.400 tỷ VND.

**(d) Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư**

Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc phát hành thêm 60.000 cổ phiếu, tương ứng tổng giá trị phát hành theo mệnh giá dự kiến là 600 tỷ VND cho nhà đầu tư riêng lẻ. Theo đó, vốn điều lệ dự kiến sau phát hành của Công ty là 2.000 tỷ VND.

**(e) Đầu tư mở rộng nhà máy Minh Phú Cà Mau**

Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua dự án đầu tư mở rộng nhà máy Minh Phú Cà Mau với tổng vốn đầu tư xây dựng mở rộng dự kiến là 1.000 tỷ VND với thời gian xây dựng dự kiến là quý 3 năm 2018.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(f) Bầu bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị**

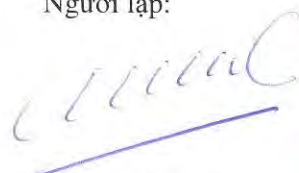
Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua việc bầu bổ sung bà Hồ Thu Lê và ông Phan Thanh Lộc làm thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập của Công ty và ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị lựa chọn thêm thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập để đảm bảo đủ tiêu chí thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập theo quy định.

**42. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

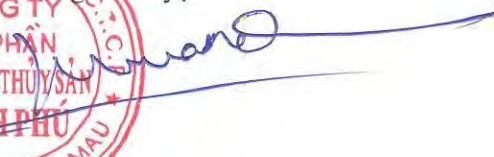
Ngày 12 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Lưu Minh Trung  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Văn Điệp  
Phó Tổng Giám đốc